

<p><b>13. Kinh Tam Minh</b></p>	<p><b>13. <i>The Threefold Knowledge - The Way to Brahmā (Tevijja Sutta)</i></b></p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: <b>TT. Thích Nhật Từ</b>)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: <b>Maurice Walshe</b>)</p>
<p><b>13. <i>Kinh Tam minh</i></b> (P. <i>Tevijja Sutta</i>, H. 三明經) tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ <i>Trường A-hàm</i>.<sup>10</sup> Nhân hai vị Bà-la-môn tranh luận về việc cộng trú ở cõi trời Phạm thiên, đức Phật khẳng định rằng các Bà-la-môn còn dục ái, hận tâm, sân tâm và nhiễm tâm không thể nào cộng trú ở cõi trời Phạm thiên được, bởi nơi đây đã vắng mặt hoàn toàn các uế trước này. Ngược lại, một vị Tỷ-kheo đoạn trừ sạch năm triền cái, an trú biến mãn với tâm có từ, bi, hỷ, xả có thể cộng trú ở cõi trời Phạm thiên. Theo đó, đức Phật khích lệ đại chúng tu tập bốn tâm vô lượng gồm từ, bi, hỷ, xả; kết thúc năm trói buộc tâm, vượt qua năm dục lạc để có được an lạc bây giờ và tại đây.</p>	<p><b>13. <i>Tevijja Sutta: The Threefold Knowledge (The Way to Brahma)</i></b>. Two young Brahmins are puzzled because different teachers speak of different ways of attaining fellowship (or union) with Brahma, which to them is the highest goal. The Buddha gets them to admit that none of their teachers, or even those from whom the tradition stems, have ever seen Brahma face to face, then instructs them in the <i>Brahmavihāras</i>, which do lead to that goal — which is not, of course, the goal of Buddhism.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: <b>HT. Thích Minh Châu</b></p>	<p>English Translation from Pāli: <b>Maurice Walshe</b></p>
<p>1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành ở Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đi đến một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Manasākata.</p> <p>Tại đây, ở Manasākata, Thế Tôn trú tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravatī (A-trí-la-phạt-đề), phía Bắc làng Manasākata.</p> <p>2. Lúc bấy giờ, nhiều Bà-la-môn trứ danh, đại phú hào ở tại Manasākata như Bà-la-môn Caṅkī (Thường-già), Bà-la-môn Tārukkha (Đa-lê-xa) Bà-la-môn Pokkharasāti (Phí-già-</p>	<p>[235] 1. <b>THUS HAVE I HEARD</b>. Once the Lord was touring Kosala with a large company of some five hundred monks.</p> <p>He came to a Kosalan Brahmin village called Manasākata, and stayed to the north of the village in a mango-grove on the bank of the River Aciravatī.</p> <p>2. And at that time many very well-known and prosperous Brahmins were staying at Manasākata, including Caṅkī, Tārukkha, Pokkharasāti, Jāṇussoṇi, and Todeyya.</p>

la-bà-la), Bà-la-môn Jāṇussoṇi (Sanh Lộ), Bà-la-môn Todeyya (Đạo-đề-da) và nhiều Bà-la-môn trứ danh, đại phú hào khác.

3. Lúc bấy giờ, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa Vāseṭṭha (Bà-tát-sá) và Bhāradvāja (Bạt-la-đà-phạn-xà) trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng, vừa đi vừa suy nghĩ tư duy.

4. Thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha nói:

- Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy;

5. Thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja nói:

- Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tārukkha giảng dạy.

6. Thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja và thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja, cũng không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha.

7. Khi ấy thanh niên Bà-la-môn Vāseṭṭha nói với thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja:

- Nay Bhāradvāja, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay trú ở Manasākata, tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravatī, phía Bắc làng Manasākata.

Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả

3. And Vāseṭṭha and Bhāradvāja went strolling along the road, and as they did so, an argument broke out between them on the subject of right and wrong paths.

4. The young Brahmin Vāseṭṭha said:

'This is the only straight path, this is the direct path, the path of salvation that leads one who follows it to union with Brahmā, as is taught by the Brahmin Pokkharasāti!'<sup>249</sup>

5. And the young Brahmin Bhāradvāja said:

'*This* is the only straight path... [236] as taught by the Brahmin Tārukkha!'

6. And Vāseṭṭha could not convince Bhāradvāja, nor could Bhāradvāja convince Vāseṭṭha.

7. Then Vāseṭṭha said to Bhāradvāja:

'This ascetic Gotama is staying to the north of the village, and concerning this Blessed Lord a good report has been spread about... (as Sutta 4, verse 2).

Gotama: "Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Này Bhāradvāja, hãy đến Sa-môn Gotama và hỏi Sa-môn Gotama về nghĩa lý này, và Sa-môn Gotama trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

- Tôn giả, xin vâng!

Thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja trả lời với thanh niên Bà-la-môn Vāsetṭha.

8. Lúc bấy giờ hai thanh niên Bà-la-môn Vāsetṭha và Bhāradvāja đến Thế Tôn, khi đã đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên, khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Vāsetṭha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa hai chúng tôi trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng vừa đi vừa suy nghĩ, tư duy.

Tôi nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy".

Thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tārukkha giảng dạy".

Tôn giả Gotama, đó là sự tranh luận, sự luận chấp, đó là sự bất đồng ý kiến.

Let us go to the ascetic Gotama and ask him, and whatever he tells us, we shall accept.' And Bhāradvāja agreed.

8. So the two of them went to see the Lord. Having exchanged courtesies with him, they sat down to one side, and Vāsetṭha said: 'Reverend Gotama, as we were strolling along the road, we got to discussing right and wrong paths. I said:

"This is the only straight path... as is taught by the Brahmin Pokkharasāti",

and Bhāradvāja said: "This *is* the only straight path...as is taught by the Brahmin Tārukkha."

This is our dispute, our quarrel, our difference.' [237]

9. Nay Vāsetṭha, Người nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy".

Còn thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tārukkha giảng dạy".

Nay Vāsetṭha, ở nơi đây tranh biện về vấn đề gì, luận chấp về vấn đề gì và bất đồng ý kiến về vấn đề gì?

10. - Tôn giả Gotama, về vấn đề chánh đạo và tà đạo.

Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác như các vị Bà-la-môn Addhāriyā, các vị Bà-la-môn Tittiriya, và các vị Bà-la-môn Chandokā, các vị Bà-la-môn Chandavā, các vị Bà-la-môn Brāhmacariyā –

tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.

Tôn giả Gotama, như gần làng hay gần thị trấn có nhiều con đường sai khác, nhưng tất cả con đường này đều dẫn đến làng. Cũng vậy, Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác –

như các Bà-la-môn Addhāriyā, các vị Bà-la-môn Tittiriya, các vị Bà-la-môn Chandokā, các vị Bà-la-môn Chandavā, các vị Bà-la-môn Brāhmacariyā. Tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.

- Nay Vāsetṭha, có phải Người nói: "Chúng dẫn đến?"

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

- Nay Vāsetṭha, có phải Người nói: "Chúng dẫn đến".

9. 'So, Vāsetṭha, you say that the way to union with Brahmā is that taught by the Brahmin Pokkharasāti, and Bhāradvāja says it is that taught by the Brahmin Tārukka.

What is the dispute, the quarrel, the difference all about?'

10. 'Right and wrong paths, Reverend Gotama.

There are so many kinds of Brahmins who teach different paths: the Addhāriyā, the Tittiriya, the Chandokā, the Chandavā, the Brāhmacariyā<sup>250</sup> Brahmins — do all these ways lead to union with Brahmā?

Just as if there were near a town or village many different paths — do all these come together at that place?

And likewise, do the ways of the various Brahmins... lead the one who follows them to union with Brahmā?'

11. 'You say: "They lead", Vāsetṭha?'

'I say: "They lead", Reverend Gotama.'

'You say: "They lead", Vāsetṭha?'

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

- Nay Vāseṭṭha, có phải Người nói: "Chúng dẫn đến".

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

12. - Thế nào Vāseṭṭha? Có Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà tận mắt đã thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

- Thế nào Vāseṭṭha? Có tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mắt thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

- Thế nào Vāseṭṭha? Có Bà-la-môn nào cho đến bảy đời tôn sư và đại tôn sư của những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mắt nhìn thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

13. - Thế nào, nay Vāseṭṭha. Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà cũng hát lên, trì tụng và ngâm giảng

như các vị Atthaka (A-sá-ca) Vāmaka (Bà-ma), Vāmadeva (Bà-ma-đề-bà), Vessāmitta (Tì-bà-thầm-sá), Yamataggi (Gia-bà-đề-bà), Aṅgīrasa (Ương-kỳ-sá), Bhāradvāja (Bạt-la-đà-phan-xà), Vāseṭṭha (Bà-tát-sá), Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cữu),

những vị này có nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy chỗ ở Phạm thiên, chỗ đến Phạm thiên, chỗ đi Phạm thiên?"

'I say: "They lead", Reverend Gotama.'

'You say: "They lead", Vāseṭṭha?'

'I say: "They lead", Reverend Gotama.' [238]

12. 'But, Vāseṭṭha, is there then a single one of these Brahmins learned in the Three Vedas who has seen Brahmā face to face?'

'No, Reverend Gotama.'

'Then has the teacher's teacher of any one of them seen Brahmā face to face?'

'No, Reverend Gotama.'

'Then has the ancestor seven generations back of the teacher of one of them seen Brahmā face to face?'

'No, Reverend Gotama.'

13. 'Well then, Vāseṭṭha, what about the early sages of those Brahmins learned in the Three Vedas, the makers of the mantras, the expounders of the mantras, whose ancient verses are chanted, pronounced and collected by the Brahmins of today, and sung and spoken about —

such as Atthaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu<sup>251</sup> —

did they ever say: "We know and see when, how and where Brahmā appears"?'<sup>252</sup>

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

14. - Nay Vāsetṭha, như vậy Người nói không có một Bà-la-môn nào trong những vị tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mắt thấy Phạm thiên, không có một đại tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập và đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một Bà-la-môn nào cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã tận mắt thấy Phạm thiên, trong những tu sĩ thời cổ, trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy

như các vị Atṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmita, Yamataggi, Aṅgirasa, Bhāradvāja, Vāsetṭha, Kassapa, Bhagu,

không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu".

Như vậy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo".

Nay Vāsetṭha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thì có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập

'No, Reverend Gotama.'

14. 'So, Vāsetṭha, not one of these Brahmins learned in the Three Vedas has seen Brahmā face to face, nor has one of their teachers, or teacher's teachers, [239] nor even the ancestor seven generations back of one of their teachers.

Nor could any of the early sages say: "We know and see when, how and where Brahmā appears."

So what these Brahmins learned in the Three Vedas are saying is: "We teach this path to union with Brahmā that we do not know or see, this is the only straight path... leading to union with Brahmā."

What do you think, Vāsetṭha? Such being the case, does not what these Brahmins declare turn out to be ill-founded?'

Vệ-đà là không chánh xác, hợp lý?

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chánh xác, hợp lý.

15. - Nay Vāsetṭha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không thể có sự kiện ấy.

Này Vāsetṭha, ví như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

Như vậy, này Vāsetṭha lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, người đầu không thấy, giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy, giống như lời nói mù quáng.

Lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà như vậy là lời nói đáng chê cười, là lời nói suông, là lời nói không tưởng, là lời nói trống rỗng.

16. - Nay Vāsetṭha, nhà Người nghĩ thế nào? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà như phần đông nhiều người khác - có thể thấy mặt trăng, mặt trời không, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn?

- Thừa vâng, Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà như phần đông nhiều người khác có thể thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán,

'Yes indeed, Reverend Gotama.'

15. 'Well, Vāsetṭha, when these Brahmins learned in the Three Vedas teach a path that they do not know or see, saying: "This is the only straight path ... ", this cannot possibly be right.

Just as a file of blind men go on, clinging to each other, and the first one sees nothing, the middle one sees nothing, and the last one sees nothing<sup>253</sup> -

so it is with the talk of these Brahmins learned in the Three Vedas: the first one [240] sees nothing, the middle one sees nothing, the last one sees nothing.

The talk of these Brahmins learned in the Three Vedas turns out to be laughable, mere words, empty and vain.

16. 'What do you think, Vāsetṭha? Do these Brahmins learned in the Three Vedas see the sun and moon just as other people do, and when the sun and moon rise and set do they pray, sing praises and worship with clasped hands?'

'They do, Reverend Gotama.'

vừa đi xung quanh, vừa chấp tay đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn.

17. - Này Vāsetṭha, nhà Người nghĩ thế nào? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà - như phần đông nhiều người khác thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng mặt trời mọc và lặn,

những vị này có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời không? Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo?

- Tôn giả Gotama, không thể được!

18. - Này Vāsetṭha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà như phần đông nhiều người khác, thấy mặt trăng, mặt trời trong khi các vị này cầu khẩn tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn,

những vị này không có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo".

Người cũng nói các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên.

17. 'What do you think, Vāsetṭha? These Brahmins learned in the Three Vedas, who can see the sun and moon just as other people do, ...

can they point out a way to union with the sun and moon, saying: "This is the only straight path... that leads to union with the sun and moon"?'

'No, Reverend Gotama.'

18. 'So, Vāsetṭha, these Brahmins learned in the Three Vedas cannot point out a way to union with the sun and moon, which they have seen.

And, too, none of them has seen Brahmā face to face,... [241] nor has even the ancestor seven generations back of one of their teachers.



Người cũng nói trong những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, những vị sáng tác các thần chú, được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy – như các vị Atthaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Anigirasa, Bhāradvāja, Vāsetṭha, Kassapa, Bhagu,

không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu".

Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". Nay Vāsetṭha, nhà Người nghĩ thế nào?

Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chánh xác, hợp lý?"

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chánh xác, hợp lý.

- Lành thay, này Vāsetṭha! Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". Thật không có sự kiện ấy.

Nor could any of the early sages say: "We know and see when, how and where Brahmā appears."

Does not what these Brahmins declare turn out to be ill-founded?'

'Yes indeed, Reverend Gotama.'

19. Này Vāsetṭha, như có người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này".

Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp mà Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết.

Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, ấp nào, hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết.

Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải Ông đã yêu và đã ái luyến một người Ông không biết, không thấy?"

Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vāsetṭha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, Tôn giả Gotama. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia không chánh xác, hợp lý.

20. - Cũng vậy, này Vāsetṭha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, không thể tận mắt thấy được Phạm thiên.

Người cũng nói những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia các thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những

19. 'Vāsetṭha, it is just as if a man were to say: "I am going to seek out and love the most beautiful girl in the country."

They might say to him: "... Do you know what caste she belongs to?" "No."

"Well, do you know her [242] name, her clan, whether she is tall or short..., dark or light-complexioned..., or where she comes from?" "No."

And they might say: "Well then, you don't know or see the one you seek for and desire?"

and he would say: "No." Does not the talk of that man turn out to be stupid?'

'Certainly, Reverend Gotama.'

20. 'Then, Vāsetṭha, it is like this: not one of these Brahmins ... has seen Brahmā face to face, nor has one of their teachers ...'

Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà cũng hát lên, cũng trì tụng và giảng dạy

như các vị Atthaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu,

không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu".

Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo".

Này Vāseṭṭha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chánh xác, hợp lý?

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chánh xác, hợp lý.

- Lành thay, Vāseṭṭha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không có sự kiện ấy.

21. Này Vāseṭṭha, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu.

Có người hỏi: "Này bạn, Ông muốn xây một cái thang để

‘Yes indeed, Reverend Gotama.’

‘That is right, Vāseṭṭha. When these Brahmins learned in the Three Vedas [243] teach a path that they do not know and see, this cannot possibly be right.

21. ‘Vāseṭṭha, it is just as if a man were to build a staircase for a palace at a crossroads.

People might say: “This staircase for a palace — do you

leo lên lầu, vậy Ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết.

Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải Ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà Ông không biết, không thấy?" Hỏi vậy, vị ấy trả lời phải.

Này Vāsetṭha, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói người kia không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

22. - Cũng vậy, này Vāsetṭha. Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên.

Người cũng nói trong những ấn sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được bình tán và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy –

như các vị Atthaka, Vamaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhāradvāja, Vāsetṭha, Kassapa, Bhagu,

không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi

know whether the palace will face east or west, north or south, or whether it will be high, low or of medium height?" and he would say: "No."

And they might say: "Well then, you don't know or see what kind of a palace you are building the staircase for?" and he would say: "No."

Does not the talk of that man turn out to be stupid?

'Certainly, Reverend Gotama.'

22 — 23. (as verse 20) [244]

thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu?"

Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo".

Này Vāsetṭha, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thì có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chánh xác, hợp lý?

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thì lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác hợp lý.

23. - Lành thay, Vāsetṭha. Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". Thật không có sự kiện ấy.

24. Này Vāsetṭha, như sông Aciravatī này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người đứng bờ bên này kêu bờ bên kia và nói: "Bờ bên kia, hãy lại đây! Bờ bên kia, hãy lại đây".

Này Vāsetṭha, Người nghĩ thế nào? Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravatī đến bờ bên này không?

24. 'Vāsetṭha, it is just as if this River Aciravatī were brimful of water so that a crow could drink out of it, and a man should come along wishing to cross over, to get to the other side, to get across, and, standing on this bank, were to call out: "Come here, other bank, come here!"

What do you think, Vāsetṭha? Would the other bank of the River Aciravatī come over to this side on account of that man's calling, begging, requesting or wheedling?

- Tôn giả Gotama, không thể vậy.

25. - Cũng vậy, này Vāsetṭha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, những vị này đã nói:

"Chúng tôi cầu khẩn Indra (Nhân-đà-la), chúng tôi cầu khẩn Soma (Tô-ma), chúng tôi cầu khẩn Vanena (Bà-lưu-va), chúng tôi cầu khẩn Isāna (Y-sa-na), chúng tôi cầu khẩn Pajāpati (Sanh chủ), chúng tôi cầu khẩn Brahmā (Phạm thiên), chúng tôi cầu khẩn Mahiddhi (Ma-hi-đề), chúng tôi cầu khẩn Yama (Dạ-ma).

Này Vāsetṭha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà ấy, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn - vì kêu gọi, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán, sau khi thân hoại mạng chung, những vị ấy sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không có sự kiện ấy.

26. - Này Vāsetṭha, như sông Aciravatī này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tiến đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia, và muốn lội qua bờ bên kia. Người này đứng bên bờ này kêu bờ bên kia và nói: "Bờ bên kia hãy lại đây! Bờ bên kia hãy lại đây!"

Này Vāsetṭha, Người nghĩ thế nào? Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravatī đến bờ bên này không?

- Tôn giả Gotama, không thể vậy.

27. - Cũng vậy, này Vāsetṭha, có năm pháp khiến dục lạc

‘No, Reverend Gotama.’

25. ‘Well now, Vāsetṭha, those Brahmins learned in the Three Vedas who persistently neglect what a Brahmin should do, and persistently do what a Brahmin should not do, declare:

“We call on Indra, Soma, Varuna, Isana, Pajapati, Brahmā, Mahiddhi, Yama.”

But that such Brahmins who persistently [245] neglect what a Brahmin should do, ... will, as a consequence of their calling, begging, requesting or wheedling, attain after death, at the breaking-up of the body, to union with Brahmā — that is just not possible.

26. ‘Vāsetṭha, it is just as if this River Aciravatī were brimful of water so that a crow could drink out of it, and a man should come wishing to cross over,... but he was bound and pinioned on this side by a strong chain, with his hands behind his back.

What do you think, Vāsetṭha? Would that man be able to get to the other side?’

‘No, Reverend Gotama.’

27. ‘In just the same way, Vāsetṭha, in the Ariyan

tăng thịnh. Năm pháp này được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thừng trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm?

Những sắc pháp do mắt cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái lạc;  
những tiếng do tai cảm nhận...  
những hương do mũi cảm nhận...  
những vị do lưỡi cảm nhận..  
những xúc do thân cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục lạc.

Này Vāsetṭha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thừng trong giới luật của bậc Thánh.

Này Vāsetṭha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, đã tận hưởng năm pháp ấy.

28. - Này Vāsetṭha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, tận hưởng chúng, bị trói buộc bởi sự trói buộc của dục lạc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên, thật không có sự kiện ấy.

29. - Này Vāsetṭha, như sông Acivarati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người này ở bên bờ này trùm đầu và nằm ngủ.

discipline these five strands of sense-desire are called bonds and fetters. Which five?

Forms seen by the eye which are agreeable, loved, charming, attractive, pleasurable, arousing desire;  
sounds heard by the ear... ;  
smells smelt by the nose ... ;  
tastes savoured by the tongue...;  
contacts felt by the body which are agreeable,... arousing desire.

These five in the Ariyan discipline are called bonds and fetters.

And, Vāsetṭha, those Brahmins learned in the Three Vedas are enslaved, infatuated by these five strands of sense-desire, which they enjoy guiltily, unaware of danger, knowing no way out.

28. 'But that such Brahmins learned in the Three Vedas, who persistently neglect what a Brahmin should do,... [246] who are enslaved by these five strands of sense-desire, ... knowing no way out, should attain after death, at the breaking-up of the body, to union with Brahmā — that is just not possible.

29. 'It is just as if this River Aciravatī were brimful of water so that a crow could drink out of it, and a man should come along wishing to cross over... and were to lie down on this bank, covering his head with a shawl.

What do you think, Vāsetṭha? Would that man be able to

Này Vāsetṭha, nhà Người nghĩ thế nào? Người ấy có thể từ bên này của sông Aciravatī đến bờ bên kia không?

- Tôn giả Gotama, không có thể được.

30. - Cũng vậy, này Vāsetṭha, có năm triền cái được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm?

Dục cái, sân cái, hôn trầm thụy miên cái, trạo hối cái, nghi cái.

Này Vāsetṭha, năm triền cái này được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược.

Này Vāsetṭha, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy, bị trói buộc bởi năm triền cái này,

Này Vāsetṭha, thật vậy, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy, bị trói buộc bởi năm triền cái, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không thể có sự kiện ấy.

31. Này Vāsetṭha, Người nghĩ thế nào? Người có nghe những Bà-la-môn niên cao lập trường, tôn sư và đại tôn sư cùng nhau nói chuyện không?

Phạm thiên có dục ái hay không dục ái?

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.

get to the other side?’

‘No, Reverend Gotama.’

30. ‘In the same way, Vāsetṭha, in the Ariyan discipline these five hindrances are called obstacles, hindrances, coverings-up, envelopings. Which five?’

The hindrance of sensuality, of ill-will, of sloth-and-torpor, of worry-and-flurry, of doubt.

These five are called obstacles, hindrances, coverings-up, envelopings.

And these Brahmins learned in the Three Vedas are caught up, hemmed in, obstructed, entangled in these five hindrances.

But that such Brahmins learned in the Three Vedas, who persistently neglect what a Brahmin should do... and who are caught up,... entangled in these five hindrances, should attain after death, at the breaking-up of the body, [247] to union with Brahmā - that is just not possible.

31. ‘What do you think, Vāsetṭha? What have you heard said by Brahmins who are venerable, aged, the teachers of teachers?’

Is Brahmā encumbered with wives and wealth,<sup>254</sup> or unencumbered?’

‘Unencumbered, Reverend Gotama.’



- Có hận tâm hay không hận tâm?
- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.

- Có sân tâm hay không sân tâm?
- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.

- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?
- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.

- Có tự tại hay không có tự tại?
- Tôn giả Gotama, có tự tại.

32. - Này Vāsetṭha, Người nghĩ thế nào?

Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà có dục ái hay không dục ái?

- Tôn giả Gotama, có dục ái.

- Có hận tâm hay không hận tâm?
- Tôn giả Gotama, có hận tâm.

- Có sân tâm hay không có sân tâm?
- Tôn giả Gotama, có sân tâm.

- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?
- Tôn giả Gotama, có nhiễm tâm.

- Có tự tại hay không có tự tại?
- Tôn giả Gotama, không có tự tại.

33. - Này Vāsetṭha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là có tham ái, Phạm thiên không có tham ái. Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là có

‘Is he full of hate or without hate?’  
‘Without hate, Reverend Gotama.’

‘Is he full of ill-will or without ill-will?’  
‘Without ill-will, Reverend Gotama.’

‘Is he impure or pure?’  
‘Pure, Reverend Gotama.’

‘Is he disciplined<sup>255</sup> or undisciplined?’  
‘Disciplined, Reverend Gotama.’

32. ‘And what do you think, Vāsetṭha?

Are the Brahmins learned in the Three Vedas encumbered with wives and wealth, or unencumbered?’

‘Encumbered, Reverend Gotama.’

‘Are they full of hate or without hate?’  
‘Full of hate, Reverend Gotama.’

‘Are they full of ill-will or without ill-will?’  
‘Full of ill-will, Reverend Gotama.’

‘Are they impure or pure?’  
‘Impure, Reverend Gotama.’

‘Are they disciplined or undisciplined?’  
‘Undisciplined, Reverend Gotama.’

33. ‘So, Vāsetṭha, the Brahmins learned in the Three Vedas are encumbered with wives and wealth, and Brahmā is unencumbered. Is there any communion, anything in

tham ái với Phạm thiên không có tham ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

- Tôn giả Gotama, không thể có được.

34. - Lành thay, Vāsetṭha. Nay Vāsetṭha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà có dục ái ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không thể có sự kiện ấy.

35. - Nay Vāsetṭha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là có sân tâm, Phạm thiên không có sân tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không có tự tại, Phạm thiên có tự tại.

Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, không có tự tại với Phạm thiên có tự tại có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

- Tôn giả Gotama, không thể có được.

36. - Lành thay, Vāsetṭha. Nay Vāsetṭha, những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không thể có sự kiện ấy.

Nay Vāsetṭha, ở đời các Bà-la-môn đều có tinh thông ba tập Vệ-đà, khi các vị này ngồi (với sự tự tín), thật sự đang chìm (trong bùn lầy), và khi đang chìm (trong bùn lầy) phải sống trong thất vọng, lầm tưởng rằng đã đến cảnh giới an lạc hơn.

Do vậy đối với những Bà-la-môn tinh thông Vệ-đà sự tinh thông ấy được gọi là bãi sa mạc không có nước, sự tinh

common between these encumbered Brahmins and the unencumbered Brahmā?’

‘No, Reverend Gotama.’

34. ‘That is right, Vāsetṭha. That these encumbered Brahmins, learned in the Three Vedas, should after death, at the breaking-up of the body, [248] be united with the unencumbered Brahmā — that is just not possible.

35. ‘Likewise, do these Brahmins learned in the Three Vedas and full of hate..., full of ill-will..., impure..., undisciplined, have any communion, anything in common with the disciplined Brahmā?’

‘No, Reverend Gotama.’

36. ‘That is right, Vāsetṭha. That these undisciplined Brahmins should after death be united with Brahmā is just not possible.

But these Brahmins learned in the Three Vedas, having sat down on the bank, sink down despairingly, thinking maybe to find a dry way across.

Therefore their threefold knowledge is called the threefold desert, the threefold wilderness, the threefold destruction.’

thông ấy cũng được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông ấy cũng được gọi là sự bất hạnh.

37. Khi nghe vậy, thanh niên Bà-la-môn Vāsetṭha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, tôi có nghe nói Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

- Nay Vāsetṭha, Người nghĩ thế nào? Ở đây có người sinh trưởng ở Manasākata, nhưng chưa bao giờ rời khỏi chỗ này. Có người hỏi con đường đưa đến Manasākata.

Nay Vāsetṭha, đối với người ấy đã sinh trưởng ở Manasākata, chắc không có gì nghi ngờ hay khó khăn thì phải?

- Tôn giả Gotama, thật không có gì nghi ngờ hay khó khăn. Vì có sao? Tôn giả Gotama, người ấy sinh trưởng ở Manasākata đều biết rõ tất cả con đường đưa đến Manasākata.

38. - Nay Vāsetṭha, đối với người ấy đã sinh trưởng Manasākata, còn có thể nghi ngờ và có khó khăn hỏi đến con đường đưa đến Manasākata nhưng đối với Như Lai thì không có nghi ngờ hay khó khăn gì khi hỏi đến Phạm thiên giới hay con đường đưa đến Phạm thiên giới!

Nay Vāsetṭha, Ta biết đến Phạm thiên, Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới.

39. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Vāsetṭha bạch Thế Tôn:

37. At these words Vāsetṭha said: 'Reverend Gotama, I have heard them say:

"The ascetic Gotama knows the way to union with Brahmā."

'What do you think, Vāsetṭha? Suppose there were a man here born and brought up in Manasākata, and somebody who had come from Manasākata and [249] and had missed the road should ask him the way.

Would that man, born and bred in Manasākata, be in a state of confusion or perplexity?'

'No, Reverend Gotama. And why not? Because such a man would know all the paths.'

38. 'Vāsetṭha, it might be said that such a man on being asked the way might be confused or perplexed — but the Tathagata, on being asked about the Brahmā world and the way to get there, would certainly not be confused or perplexed.

For, Vāsetṭha, I know Brahmā and the world of Brahmā, and the way to the world of Brahmā, and the path of practice whereby the world of Brahmā may be gained.'

39. At this Vāsetṭha said:

- Tôn giả Gotama, tôi đã nghe: "Sa-môn Gotama, giảng dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên".

Lành thay, nếu Sa-môn Gotama thuyết dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên! Mong Tôn giả Gotama tế độ chúng Bà-la-môn!

- Nay Vāsetṭha, vậy hãy lắng nghe và khéo tác ý kỹ? Ta sẽ nói:

40. Nay Vāsetṭha, nay ở đời đức Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Đức Như Lai sau khi tự mình chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ.

Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

41. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sinh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai.

Khi có lòng tin ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những phiền phức, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không.

Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc.

'Reverend Gotama, I have heard them say: "The ascetic Gotama teaches the way to union with Brahmā."

It would be good if the Reverend Gotama were to teach us the way to union with Brahmā, may the Reverend Gotama help the people of Brahmā!

'Then, Vāsetṭha, listen, pay proper attention, and I will tell you.' 'Very good, Reverend Sir', said Vāsetṭha. The Lord said:

40 — 75. 'Vāsetṭha, a Tathagata arises in the world, an Arabant, fully-enlightened Buddha, endowed with wisdom and conduct, Well-Farer, Knower of the worlds, incomparable Trainer of men to be tamed, Teacher of gods and humans, enlightened and blessed.

He, having realised it by his own super-knowledge, proclaims this world with its devas, māras and Brahmās, its princes and people.

He preaches the Dhamma which is lovely in its beginning, lovely in its middle, lovely in its ending, in the spirit and in the letter, and displays the fully-perfected and purified holy life. [250]

Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình". Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

42. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pātimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp, thanh tịnh. Mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, thủ hộ các căn, chánh niệm, tỉnh giác và biết tri túc.

43. Nay Vāseṭṭha, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc?

Ở đây, nay Vāseṭṭha, Tỷ-kheo từ bỏ sát sinh, tránh xa sát sinh... do lạc thọ, tâm được định tĩnh... chứng và trú thiền thứ nhất, ... (như kinh Sa-môn quả, đoạn kinh số 43-75).

76. Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư.

Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

77. Nay Vāseṭṭha, như người lực sĩ thổi tù và khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn, cũng vậy này Vāseṭṭha, đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, câu hữu với từ.

Này Vāseṭṭha, đó là con đường đưa đến cộng trú với

*A disciple goes forth, practises the moralities, attains the first jhāna (as Sutta 2, verses 43-75).*

76. 'Then, with his heart filled with loving-kindness, he dwells suffusing one quarter, [251] the second, the third, the fourth.

Thus he dwells suffusing the whole world, upwards, downwards, across, everywhere, always with a heart filled with loving-kindness, abundant, unbounded,<sup>256</sup> without hate or ill-will.

77. 'Just as if a mighty trumpeter were with little difficulty to make a proclamation to the four quarters, so by this meditation, Vāseṭṭha, by this liberation of the heart through loving-kindness he leaves nothing untouched, nothing unaffected in the sensuous sphere.<sup>257</sup>

This, Vāseṭṭha, is the way to union with Brahmā.

Phạm thiên.

78. Lại nữa, này Vāsetṭha, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư.

Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

79. Này Vāsetṭha, như người lực sĩ thổi tù và khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn, cũng vậy này Vāsetṭha, đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, cùng khởi với xả.

Này Vāsetṭha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

80. Này Vāsetṭha, Người nghĩ thế nào?

Tỷ-kheo an trú như vậy là có dục ái hay không dục ái?

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.
- Có hận tâm hay không có hận tâm?
- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.
- Có sân tâm hay không có sân tâm?
- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.
- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?
- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.
- Có tự tại hay không có tự tại?

78. 'Then with his heart filled with compassion,... with sympathetic joy, with equanimity he dwells suffusing one quarter, the second, the third, the fourth.

Thus he dwells suffusing the whole world, upwards, downwards, across, everywhere, always with a heart filled with equanimity, abundant, unbounded, without hate or ill-will.

79. 'Just as if a mighty trumpeter were with little difficulty to make a proclamation to the four quarters, so by this meditation, Vāsetṭha, by this liberation of the heart through compassion,... through sympathetic joy,... through equanimity, he leaves nothing untouched, nothing unaffected in the sensuous sphere.

This, Vāsetṭha, is the way to union with Brahmā.

80. 'What do you think, Vāsetṭha?

Is a monk dwelling thus encumbered with wives and wealth or unencumbered?' 'Unencumbered, Reverend Gotama.

He is without hate...,

without ill-will...,

- Tôn giả Gomata, có tự tại.

81. Nay Vāsetṭha, Người nói Tỷ-kheo không có dục ái, Phạm thiên không có dục ái. Giữa Tỷ-kheo không có dục ái với Phạm thiên không có dục ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

- Tôn giả Gotama, có thể có được.

- Lành thay, Vāsetṭha. Nay Vāsetṭha, Tỷ-kheo sau khi tâm thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật có thể có sự kiện ấy.

Nay Vāsetṭha, Người nói Tỷ-kheo không có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm...

Tỷ-kheo không có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm.

Tỷ-kheo có tự tại, Phạm Thiên có tự tại.

Giữa Tỷ-kheo có tự tại với Phạm thiên có tự tại, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

- Tôn giả Gotama, có thể có được.

- Lành thay, Vāsetṭha. Nay Vāsetṭha, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Sự kiện ấy thật có thể có.

82. Khi nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn Vāsetṭha và Bharadvāja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại

pure and disciplined, Reverend Gotama.' [252]

81. 'Then, Vāsetṭha, the monk is unencumbered, and Brahmā is unencumbered. Has that unencumbered monk anything in common with the unencumbered Brahmā?'

'Yes indeed, Reverend Gotama.'

'That is right, Vāsetṭha. Then that an unencumbered monk, after death, at the breaking-up of the body, should attain to union with the unencumbered Brahmā — that is possible.

Likewise a monk without hate..., without ill-will..., pure..., disciplined...

Then that a disciplined monk, after death, at the breaking-up of the body, should attain to union with Brahmā.

— that is possible.'

82. At this the young Brahmins Vāsetṭha and Bhāradvāja said to the Lord:

'Excellent, Reverend Gotama, excellent! It is as if someone were to set up what had been knocked down, or to

những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc.

Cũng vậy Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày.

Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử; từ này trở đi cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

point out the way to one who had got lost, or to bring an oil-lamp into a dark place, so that those with eyes could see what was there.

Just so the Reverend Gotama has expounded the Dhamma in various ways.'

'We take refuge in the Reverend Gotama, in the Dhamma, and in the Sangha. May the Reverend Gotama accept us as lay-followers having taken refuge from this day forth as long as life shall last!'<sup>258</sup>

### Notes

The numbers in square brackets [ ] in the actual text refer to the page number of the *Dīgha Nikāya* of the Pali Text Society's edition in Pali.

249. Union with Brahma was the ultimate goal for the Brahmins. See n.258.

250. The alternative reading, adopted by RD, is *Bavharijā*, but RD notes: 'If we adopt the other reading [i.e. *Brāhmacariyā*, as he omits to say] for the last in the list, then those priests who relied on liturgy, sacrifice or chant would be contrasted with those who had "gone forth" as *religieux*, either as *Tāpasas* or as *Bhikshus*.'

251. The ten rishi authors of the Vedic mantras. Cf. MN 95.12.

252. Cf. DN 11.80.

253. Cf. MN 95.13.



254. *Saparigaha*. The PED gives both ‘married’ and ‘encumbered’. Both are implied.

255. *Vasavattī*: lit. ‘powerful’, but here meaning having power, or control, over oneself.

256. These (pre-Buddhist) ‘Divine Abidings’ (*Brahmavihāra*) are also called the Boundless States (*appamaññā*).

257. *Pamāṇa kataṃ* according to DA denotes the sensuous sphere (*kāmaloka*). Cf. SN 42.8 (= KS iv, p. 227). DA says: ‘Like the mighty ocean, flooding a little creek, he even reaches up to Brahmā’ (tr. Woodward, *loc. cit.*).

258. See also DN 27, MN 98 and Sn. 594ff. DA says Vāseṭṭha’s first taking refuge was after the preaching of the Vasettha Sutta (MN 98), and this was the second occasion. He ‘went forth’ and, after the preaching of the Aggañña Sutta (DN 27) he received the higher ordination and attained Arahantship.

RD’s comment (RD i, p. 299), ‘It should be recollected that the argument here is only *argumentum ad hominem*. If you want union with Brahmā — which you had much better not want — this is the way to attain it’, ignores the outcome as reported by DA. The Buddha’s words were indeed, as in other cases, *ad hominem*, and had, as in other cases, the result of leading the enquirer beyond his original premises.

On ‘union with Brahma’ see Introduction, p. 43. See also DN 19.61.